TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Kim Liên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Duy Nguyện;
Bà Phạm Thị Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Thôn X, xã U, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
2. Bị đơn: Ông Đoàn Tấn Q, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Thôn X, xã U, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ngân hàng Chính sách xã hội
Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện D (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2018). Có mặt.
- Bà Hoàng Thị Quý P, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã U, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 16/11/2017, biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị I trình bày: bà và ông Đoàn Tấn Q tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, D vào năm 1992. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q thường xuyên rượu chè, hay chửi mắng, xúc phạm và đánh đập bà. Khi bà sinh con thứ 3 khoảng vài tháng thì ông Q bỏ đi hơn một năm rồi quay về tiếp tục chửi mắng bà, không chịu đựng được nên đưa con về Phan Thiết sinh sống. Sau đó, đến năm 2007 bà tha thứ cho ông Q, vợ

chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn ngày càng căng thẳng, áp lực, nạn bạo hành thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng đến tinh thần và thể xác của bà và ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Từ tháng 5/2017 đến nay bà và ông Q không còn chung sống vơi nhau, Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu được ly hôn với ông Q. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Đoàn Thị Thanh A (sinh năm 1993), Đoàn Tấn G (sinh năm 1996) và Đoàn Tấn T (sinh ngày 05/11/2003), hai cháu A và G đã trưởng thành, bà I yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có; về nợ chung: nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 40.000.000đ và nợ bà Hoàng Thị Quý P 23.916.000đ, bà I đồng ý trả cho bà P 5.000.000đ, số còn lại bà yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả cho bà P và Ngân hàng chính sách xã hội.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2017, bị đơn ông Đoàn Tấn Q trình bày: Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng ông thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Từ tháng 3/2016 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, ông xác định không còn tình cảm với bà I, tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung ông đồng ý giao cháu Tình cho bà I nuôi dưỡng. Về tài sản chung không có. Về nợ chung ông Q xác định nợ Ngân hàng chính sách xã hội 40.000.000đ tiền gốc và nợ bà Hoàng Thị Quý P 23.916.000đ, ông sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách, số nợ bà P ông yêu cầu bà I thanh toán.

Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày: Ngày 07/10/2016, Ngân hàng có cho ông Đoàn Tấn Q đại diện hộ gia đình vay số tiền 40.000.000đ, người thừa kế là bà Nguyễn Thị I. Đến ngày 06/6/2018, ông Q, bà I còn nợ 40.446.000đ Ngân hàng đồng ý để ông Q chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Hoàng Thị Quý P trình bày: bà có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Q, bà I từ năm 2013 đến năm 2016, đến nay còn nợ bà số tiền 23.916.000đ chưa thanh toán, ông Q đại diện viết giấy nợ cho bà. Nay bà yêu cầu ông Q, bà I cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho bà, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà I được ly hôn với ông Q; giao con chung Đoàn Tấn T cho bà I nuôi dưỡng; ghi nhận bà I không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: giữa bà Nguyễn Thị I và ông Đoàn Tấn Q tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện D, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà I và ông Q đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Q xúc phạm, chửi mắng, bạo hành với vợ nhiều lần làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà I và ông Q đã không còn sống chung với nhau. Tại phiên tòa, bà I vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với ông Q. Ông Q đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà I và ông Q đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Diêu và ông Q .

[2] Về con chung: Hai con chung A và G đã trưởng thành; Riêng cháu Đoàn Tấn T (sinh ngày 05/11/2003), bà I đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tình có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xét yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con của bà I phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Tính đến ngày 06/6/2018, bà I và ông Q còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 40.446.000 đồng (gốc 40.000.000đ. lãi 446.000đ). Đại diện Ngân hàng chính sách và ông Q, bà I thỏa thuận ông Q chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ này cho Ngân hàng. Xét số nợ của Ngân hàng ông Q vay tại thời điểm vợ chồng không còn chung sống, bà I không sử dụng số tiền này. Thỏa thuận của Ngân hàng và ông Q phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với số tiền 23.916.000đ ông Q, bà I nợ của bà Hoàng Thị Quý P, bà P yêu cầu ông Q, bà I có trách nhiệm thanh toán cho bà. Hội đồng xét thấy số tiền nợ của bà P là tiền do mua vật tư nông nghiệp phát sinh tại thời điểm ông Q, bà I còn sống chung với nhau đến nay chưa thanh toán, do đó yêu cầu của bà P là phù hợp cần được chấp nhận, buộc ông Q, bà I phải trả cho bà P mỗi người ½ số nợ là 11.958.000đ.

[5] Về án phí: Bà I phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Q, bà I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị I và ông Đoàn Tấn Q.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị I được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đoàn Tấn T (sinh ngày 05/11/2003).

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đoàn Tấn Q.

Ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về nợ chung:

- Bà Nguyễn Thị I phải trả cho bà Hoàng Thị Quý P 11.958.000đ *(Mười một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn)*.

- Ông Đoàn Tấn Q phải trả cho bà Hoàng Thị Quý P 11.958.000đ *(Mười một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn)*.

- Ông Đoàn Tấn Q phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 40.446.000đ (trong đó nợ gốc 40.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 06/6/2018 là 446.000đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/6/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng; phương thức trả mỗi tháng 2.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số nợ.

[4]. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị I phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà I đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018409 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bà I đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bà I phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 598.000 đồng

- Ông Q phải nôp án phí dân sự sơ thẩm là 2.620.000 đồng.

- Hoàn lại cho bà Hoàng Thị Quý P tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 600.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0018743 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án huyện D.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS D;
- UBND xã U, D;
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Kim Liên

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA